

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-PT

Ngày 20 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Bà Lại Thị Hiếu, Ông Cầm Xuân Thuý.

- Thư ký phiên toà: Bà Quàng Hồng Nết - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thu H1. Địa chỉ: Tổ 5, phường TH, SS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cầm Phúc Thọ. Địa chỉ: Số 486, đường LD, phường CS, SS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Hương T1. Địa chỉ: Tổ 5, phường QT, SS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lương Ngọc C1. Địa chỉ: Bản Chiềng T, thị trấn O, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Bùi Việt A, bà Dương Thị H - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc tế B. Địa chỉ: 02/532 đường NN, tổ 19, phường NN, quận LB, thành phố HN. Văn phòng giao dịch: Tầng 3, số 22 phố HG, phường QQ, quận Đ, Thành phố HN. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Hương T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Cao Thị Thu H1 trình bày:*

Bà Cao Thị Thu H1 và bà Nguyễn Hương T1 có mối quan hệ quen biết, ngày 04/9/2019 bà H1 có cho bà T1 vay số tiền 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), thoả thuận lãi suất theo lãi suất ngân hàng, tuy nhiên không viết cụ thể trong giấy vay. Hạn cuối trả nợ ngày 31/12/2019, hai bên có lập giấy vay nợ do bà T1 trực tiếp viết và ký. Năm 2020 bà T1 thực hiện trả được số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/01/2020 chuyển 80.000.000 đồng; ngày 18/01/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 12/5/2020 chuyển 50.000.000 đồng; ngày 02/7/2020 chuyển 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 520.000.000 đồng đến nay bà T1 không thực hiện trả. Do vậy, bà H1 yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả số tiền nợ gốc: 520.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2023 là 48 tháng), theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi của 01 tháng là: $520.000.000đ \times 0,83\% = 4.316.000đ$, làm tròn là 4.300.000 đồng x 48 tháng = 206.400.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Nguyên đơn chỉ đề nghị bị đơn trả số tiền gốc còn lại là 520.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai và phiên hòa giải, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Nguyễn Hương T1 trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên năm 2016 bà T1 có vay tiền của bà Cao Thị Thu H1 nhưng không lập giấy vay nợ mà chỉ vay qua hình thức nói miệng và chuyển tiền. Cụ thể lần 01 vào ngày 23/8/2016 bà H1 chuyển số tiền 140.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 24/8/2016 bà H1 chuyển số tiền 230.000.000 đồng. Đến năm 2020 bà T1 đã thực hiện trả số tiền 200.000.000 đồng. Đối với giấy vay nợ đề ngày 04/9/2019 bà T1 thừa nhận giấy đó là do bà T1 trực tiếp viết và ký vào mục người vay. Tuy nhiên, giấy vay nợ đó mới chỉ thể hiện mong muốn của bà T1 muốn vay của bà H1 số tiền 720.000.000 đồng, trong giấy vay nợ chưa thể hiện ý chí của bên cho vay là bà H1, vì bà H1 chưa ký vào mục người cho vay. Lý do cho việc chưa nhất trí là do số tiền lớn nên bà H1 muốn cầm giấy vay nợ trên về để bàn bạc với gia đình, từ đó bà H1 giữ giấy tờ vay đó. Do vậy, giao dịch không bảo đảm các điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015. Hơn nữa bà H1 không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà H1 đã giải ngân cho khoản vay 720.000.000 đồng cho bà T1. Do vậy, bà T1 không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H1. Giấy vay tiền ngày 04/9/2019 không bảo đảm về hình thức, nội dung và điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi quá hạn trả nợ, nguyên đơn cũng không tiến hành việc chót nợ và yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền. Do vậy, không có căn cứ xác định bà H1 đã cho bà T1 vay 720.000.000 đồng. Đồng thời đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị xem xét lại việc thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La là không đúng do đã hết thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

** Bị đơn Nguyễn Hương T1 trình bày:* Nhất trí hoàn toàn với lời trình bày người đại diện theo uỷ quyền ông Lương Ngọc C1, bị đơn không có ý kiến bổ sung gì khác.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã Quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 155, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thu H1.

Buộc bà Nguyễn Hương T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị Thu H1 số tiền 520.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 04/9/2019 giữa bên vay là bà Nguyễn Hương T1, bên cho vay là bà Cao Thị Thu H1.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi suất 206.400.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 22/6/2024, bà Nguyễn Hương T1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La với lý do: Bị đơn không được bà Cao Thị Thu H1 giao số tiền 720.000.000 đồng cho vay như nhận định và quyết định của bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tính hợp pháp của giấy vay tiền lập ngày 04/9/2019 và việc trả nợ 200.000.000 đồng cho bà H1.

Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Hương T1 đã nộp thêm bản phô tô các tài liệu sau: 01 văn bản giải trình kháng cáo, 01 bản phô tô Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Hương T1 và bà Cao Thị Thu H1 (có chữ ký của bà T1), 01 bản phô tô giấy vay tiền ngày 13/4/2018 (có chữ ký của bà T1), 01 bản phô tô giấy vay tiền ngày 13/9/2018 (có chữ ký của bà T1), 01 bản phô tô giấy vay tiền ngày 13/01/2019 (có chữ ký của bà T1), 01 bản phô tô sổ phụ ngân hàng Agribank của khách hàng Nguyễn Hương T1, 05 bản phô tô ảnh chụp facebook mang tên Vũ Tiến H2 giao bán đất tại bản P, xã CN, SS, 01 giấy yêu cầu luật sư bảo vệ quyền lợi đề ngày 12/8/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn nộp 01 biên bản xác minh đề ngày 13/8/2024.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân

dân thành phố Sơn La.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn lại 170.000.000 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1 về hình thức. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1 về nội dung; giữ nguyên nội dung, quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thu H1 và bị đơn bà Nguyễn Hương T1 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Hương T1 không nhất trí với quyết định của bản án, có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Tòa án trong hạn luật định. Do vậy, đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1 được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Ngày 13/8/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Hương T1 và bị đơn bà Cao Thị Thu H1. Tuy nhiên đã có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, bị đơn. Kiểm sát viên và các đương sự có mặt đều đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1:

Tại văn bản giải trình kháng cáo, bị đơn bà Nguyễn Hương T1 cho rằng xuất phát từ mối quan hệ quen biết giữa bà T1 và bà H1, năm 2016 bà T1 đã vay của bà H1 số tiền 370.000.000 đồng (chia làm 02 lần chuyển khoản, ngày

23/8/2016 số tiền 140.000.000 đồng, ngày 24/8/2016 số tiền 230.000.000 đồng). Do chưa có điều kiện trả nợ nên qua các năm bà H1 đã cộng lãi và gốc rồi yêu cầu bà T1 ký vào các giấy vay tiền mới, cụ thể gồm giấy vay ngày 13/4/2018 số tiền 511.000.000 đồng, giấy vay ngày 13/9/2018 số tiền 562.000.000 đồng, giấy vay ngày 13/01/2019 số tiền 607.000.000 đồng và giấy vay ngày 04/9/2019 số tiền 720.000.000 đồng. Trong năm 2020 bà T1 đã trả được cho bà H1 số tiền 200.000.000 đồng (chia thành 04 lần chuyển khoản). Do không có điều kiện trả nợ, bà H1 đã yêu cầu bà T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại bản P, xã CN, SS với giá trị là 520.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng và có chữ ký của ông Cà Văn P1 và ông Lò Văn P2 là người làm chứng. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H1 đã giao bán đất trên trang Facebook với giá cao nên không thực hiện được việc chuyển nhượng, do đó bà H1 đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bà T1 trả tiền với giấy vay đề ngày 04/9/2019. Tại phiên tòa, bị đơn khẳng định chỉ được vay nguyên đơn số tiền 370.000.000 đồng vào năm 2016, năm 2020 đã thanh toán được số tiền 200.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán 170.000.000 đồng, bị đơn chỉ nhất trí thanh toán số tiền còn lại này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà T1 vay tiền của bà H1 là có thật, khi bà T1 viết và ký giấy vay tiền ngày 04/9/2019 trong tình trạng minh mẫn, tỉnh táo, không có căn cứ xác định bà T1 bị lừa dối ép buộc khi viết và ký giấy vay tiền này. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định nguyên đơn bà H1 không ký vào bất kỳ giấy vay tiền chốt nợ và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phổ tô mà bị đơn giao nộp tại cấp phúc thẩm. Bị đơn bà T1 thừa nhận chữ ký trên giấy vay tiền ngày 04/9/2019 là chữ ký của bà T1 nhưng không được nhận số tiền 720.000.000 đồng của bà H1. Xét thấy, các tài liệu là giấy vay tiền đề ngày 13/4/2018, 13/9/2018, 13/01/2019 mà người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giao nộp tại cấp phúc thẩm đều là bản phổ tô chỉ có chữ ký của một bên vay tiền là bà Nguyễn Hương T1; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng là tài liệu phổ tô nhưng không có chữ ký của bên nhận chuyển nhượng đất bà Cao Thị Thu H1 và không được công chứng, chứng thực theo quy định; các bản ảnh trên trang facebook mang tên Vũ Tiến H2 không đủ căn cứ chứng minh theo quy định tại Điều 108 của Bộ luật tố tụng dân sự; biên bản xác minh do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn giao nộp cũng chỉ thể hiện việc ông Cà Văn P1 có ký vào hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà T1 và bà H1 với tư cách là người làm chứng, còn cụ thể, chi tiết việc chuyển nhượng, thanh toán giữa bà T1 và bà H1 như thế nào thì ông P1 không biết. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1.

[3] Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1; cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Hương T1 phải chịu án phí dân sự phúc

thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hương T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Nguyễn Hương T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002064 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/8/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân SS;
- Chi cục THADS SS;
- Các đương sự;
- KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh